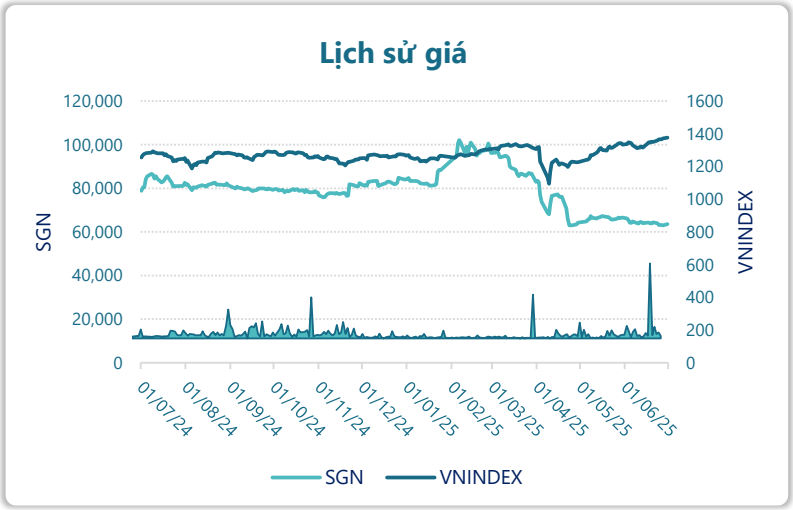
FireAnt

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**63,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	102,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	63,000
SL cổ phiếu LH	33,533,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,580
% sở hữu nước ngoài	27.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,129
P/E	7.8
EPS	8,125

DT thuần

Q2/25

356

tỷ VNĐ

QoQ: ▼62.0| -14.8%

YoY: ▼24.0| -6.3%

LN sau thuế

Q2/25

63.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.0| -19.2%

YoY: ▼5.80| -8.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

22.8%

DT thuần

6T 2025

774

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0| 3.3%

LN sau thuế

6T 2025

142

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 3.6%

ROE

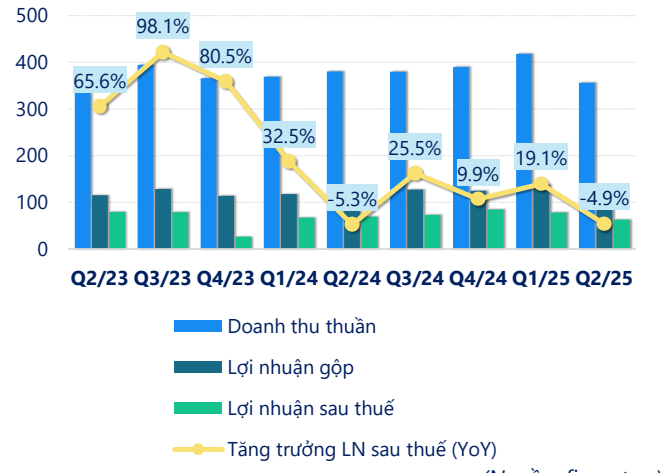
Q2/25

23.5%

+/- YoY: ▲ 0.7%

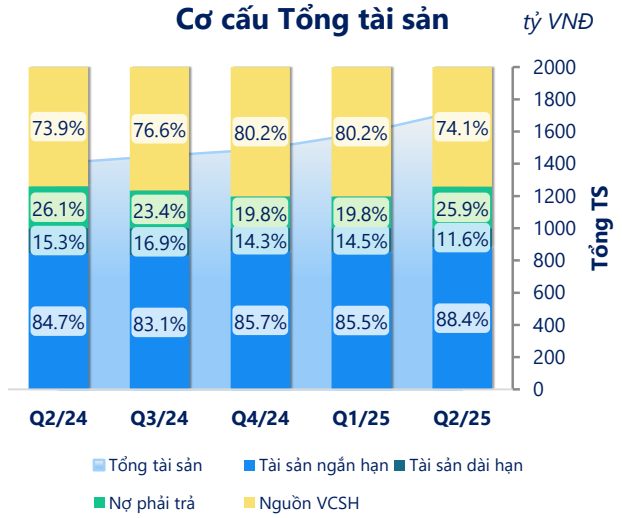
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



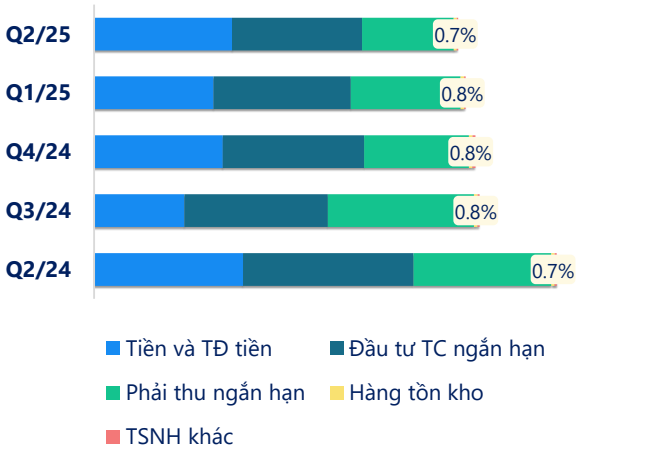
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



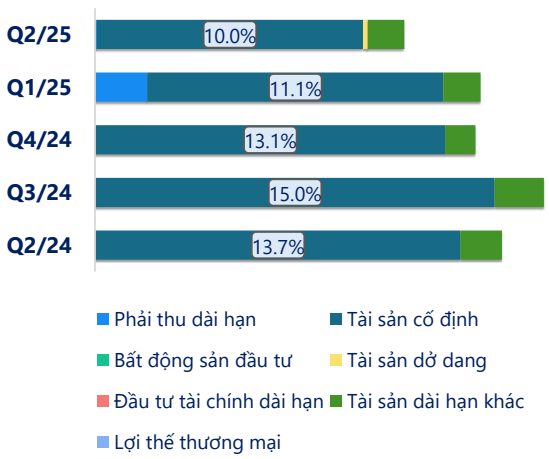
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



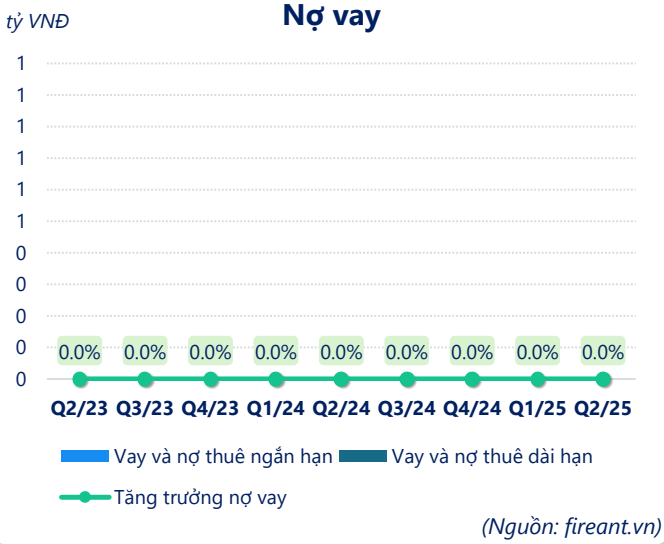
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



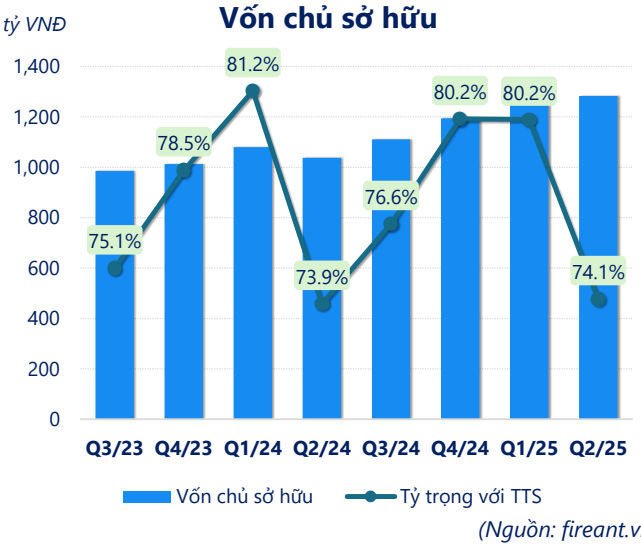
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



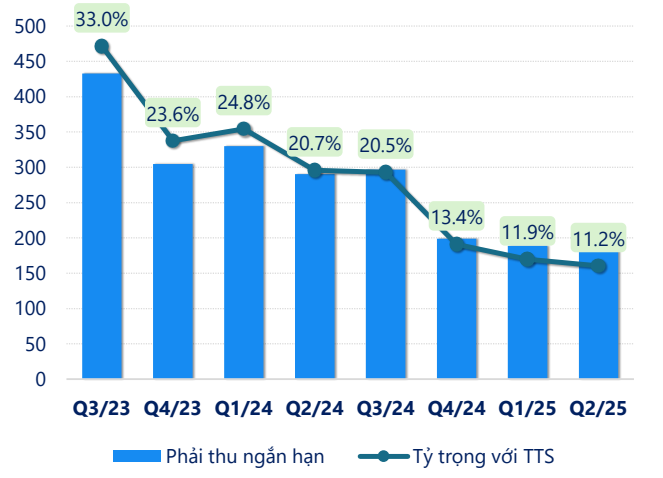
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



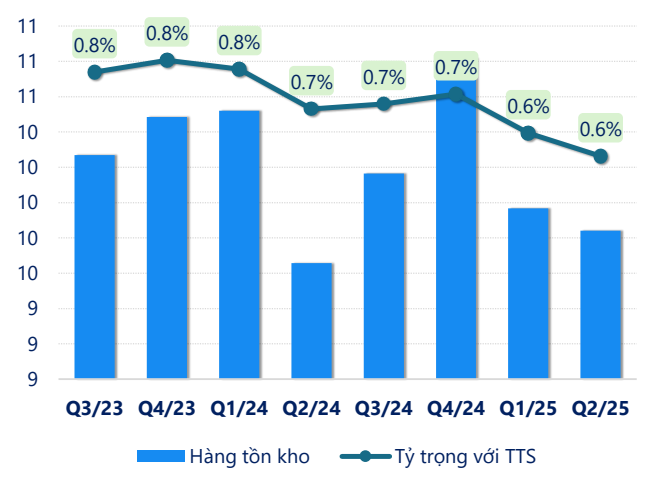
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



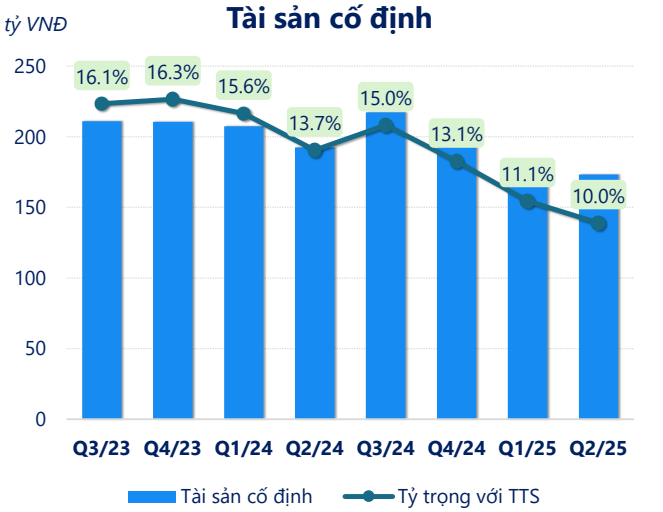
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



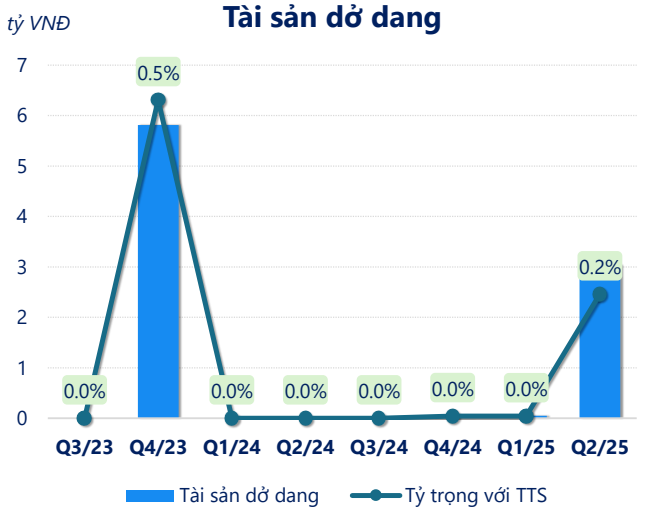
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



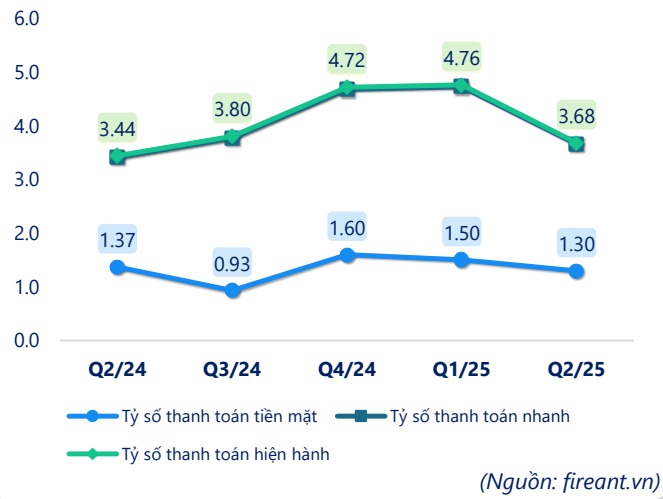
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



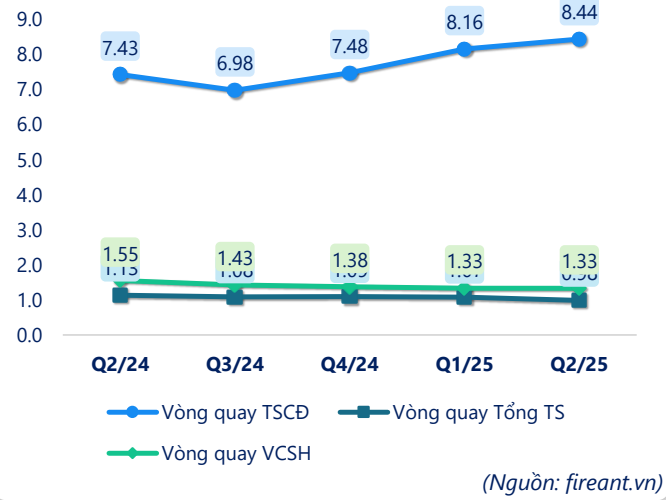
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,403**	**1,448**	**1,489**	**1,589**	**1,731**
Tài sản ngắn hạn	**1,188**	**1,204**	**1,276**	**1,359**	**1,530**
Tiền và tương đương tiền	472	295	432	428	539
Đầu tư tài chính ngắn hạn	412	597	627	727	777
Phải thu ngắn hạn	290	297	199	189	194
Hàng tồn kho	9.66	10.2	10.8	9.97	9.84
Tài sản ngắn hạn khác	4.25	5.05	6.67	4.71	9.90
Tài sản dài hạn	**215**	**244**	**213**	**231**	**201**
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.37	31.3	1.28
Tài sản cố định	192	217	196	177	173
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.05	0.05	3.04
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	22.0	26.9	17.0	22.3	23.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**366**	**338**	**295**	**315**	**449**
Nợ ngắn hạn	**345**	**316**	**270**	**285**	**415**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	31.0	38.2	41.4	29.4	11.5
Nợ dài hạn	20.7	21.8	24.2	29.5	33.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,037**	**1,110**	**1,195**	**1,275**	**1,283**
Vốn chủ sở hữu	**1,037**	**1,110**	**1,195**	**1,275**	**1,283**
Vốn điều lệ	336	342	336	336	336
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)